

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

**Chuyên ngành: Luật dân sự và tố tụng dân sự**

**Định hướng: Nghiên cứu**

**Mã số: 8380101.04**

*(Ban hành theo Quyết định số 871/QĐ-ĐHQGHN, ngày 27 tháng 3 năm 2019  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật dân sự và tố tụng dân sự
  - + Tiếng Anh: Civil law and Civil procedure law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.04
- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật
  - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức toàn diện, hiện đại, chuyên sâu về các vấn đề lí luận và thực tiễn của khoa học luật dân sự và tố tụng dân sự; có năng lực, kĩ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kĩ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho người học những kiến thức toàn diện, ở trình độ nâng cao về lí luận và thực tiễn về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, bao

gồm các kiến thức pháp lí về: vật quyền; nghĩa vụ; sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; hôn nhân và gia đình; thừa kế; bồi thường thiệt hại; chứng cứ trong tố tụng dân sự; quản lí nhà nước đối với các hoạt động dân sự; nền tảng tư tưởng và kĩ thuật pháp lí trong lĩnh vực luật tư... Chương trình cũng nhằm trang bị cho người học tư duy pháp lí mang tính hệ thống để tiếp cận và giải quyết một cách tốt nhất công việc nghiên cứu và thực tiễn.

#### *2.2.2. Về kĩ năng*

Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kĩ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự một cách độc lập, sáng tạo; phân tích, đánh giá các chính sách, pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự của Đảng, Nhà nước; tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện, phổ biến và giáo dục pháp luật; ứng dụng các kiến thức tiếp thu được vào hoạt động thực tiễn trong các cơ quan, tổ chức nơi họ công tác.

#### *2.2.3. Về năng lực*

Với những kiến thức, kĩ năng đã trang bị cho người học, Chương trình đào tạo giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác như: làm công tác nghiên cứu, tư vấn, quản lí hoặc công tác thực tiễn tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp; giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo, các viện, các trung tâm khoa học...

#### *2.2.4. Về phẩm chất đạo đức*

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### *3.1. Hình thức tuyển sinh*

Thi tuyển với các môn sau:

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực;
- Môn thi cơ sở: Lí luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Môn ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

#### *3.2. Đối tượng tuyển sinh*

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc ngành phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của ĐHQGHN và của Khoa Luật.

### **3.3. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp**

3.3.1. *Ngành đúng*: Luật.

3.3.2. *Danh mục ngành phù hợp*

- Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học, viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp cũng như trong các hoạt động chuyên môn sau khi kết thúc khóa học;

- Vận dụng kiến thức cơ sở để giải quyết những vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo, đặc biệt là những vấn đề lí luận và thực tiễn chuyên sâu về: Vật quyền (Quyền đối vật); Luật nghĩa vụ (Quyền đối nhân); Pháp luật sở hữu trí tuệ (Quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp, các quyền kề cận...); Pháp luật hôn nhân gia đình (Chế độ hôn nhân, Ly hôn và hậu quả pháp lí của ly hôn...); Pháp luật thừa kế...;

- Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành, tư duy pháp lí hệ thống để giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan đến pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Viết và bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp. Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra; góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Phân tích, đánh giá, phản biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Vận dụng kiến thức lí thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn (năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

### **2. Về kĩ năng**

#### **2.1. Kĩ năng nghề nghiệp**

- Áp dụng các quy phạm pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác; tổ chức thực hiện các công việc

chuyên môn; hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- Nhận thức, phân tích, tổng hợp, đánh giá đúng các vấn đề pháp lí, dự báo các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến luật dân sự và tố tụng dân sự; so sánh với lí luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài để từ đó rút ra các bài học có thể áp dụng vào điều kiện của Việt Nam;

- Phát hiện vấn đề, tổ chức nghiên cứu; thảo luận, đánh giá, phản biện; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn về luật dân sự và tố tụng dân sự;

- Tư vấn pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự; đề xuất các kiến nghị, giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Cập nhật các kiến thức mới và thực tiễn áp dụng pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự trong nước và nước ngoài.

## **2.2. Kỹ năng hỗ trợ**

- Tra cứu thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách logic, sáng tạo;

- Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức độ có thể hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc, trình bày các ý kiến và phản biện một vấn đề chuyên môn bằng ngoại ngữ.

## **3. Về phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân**

- Chuẩn mực trong lời nói và hành vi;

- Cảm thông, chia sẻ khó khăn cùng người khác; thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác và khách hàng;

- Cầu thị trong học tập và lao động, chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;

- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

### **3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

- Thúc đẩy công lí, công bằng và nhân đạo trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, trung thực, khách quan;

- Cầu tiến, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;

- Chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo, khoa học và có trách nhiệm với công việc được giao.

### **3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội**

- Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân;
- Bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;
- Đấu tranh với những sai phạm, những biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật.

### **4. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lí luận, thực tiễn phát sinh thuộc ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;
- Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển về năng lực chuyên môn;
- Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lí hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

### **5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành luật dân sự và tổ tụng dân sự định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kĩ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an; Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội;
- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lí như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp;
- Nhóm 3: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật);

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi Chính phủ, liên Chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

## 6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>64 tín chỉ</b> , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	<b>08 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>36 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i> :	<b>16 tín chỉ</b>
+ <i>Tự chọn</i> :	<b>20/40 tín chỉ</b>
- Luận văn thạc sĩ:	<b>20 tín chỉ</b>

### 2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>4</b>				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	35	15	10	
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>Basic Russian</i>					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>Basic French</i>					
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>Basic German</i>					
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>Basic Chinese</i>					
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>36</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>		<b>16</b>				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal research methods</i>	2	18	6	6	
4	CIL6040	Vật quyền <i>Real rights</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
5	CIL6041	Pháp luật về quyền nhân thân <i>Law of extra-patrimonial rights</i>	2	18	6	6	
6	CIL6042	Luật hợp đồng so sánh <i>Comparative contract law</i>	2	18	6	6	
7	CIL6043	Pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng <i>Law of Industrial property rights and plants variety rights</i>	2	18	6	6	
8	CIL6044	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự <i>Evidence and proof in civil procedure</i>	2	18	6	6	
9	CIL6045	Lí thuyết chung về luật nghĩa vụ <i>General theory of obligation law</i>	3	27	9	9	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>		<b>20/40</b>				
10	CIL6046	Lí thuyết về nguồn của luật dân sự <i>Theory of civil law sources</i>	3	27	9	9	
11	CIL6047	Pháp luật về quyền tác giả <i>Law of Copyright</i>	2	18	6	6	
12	CIL6048	Luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. <i>Law of non-contractual damages liability</i>	3	27	9	9	
13	CIL6049	Chế độ tài sản của vợ chồng <i>Matrimonial property regime</i>	2	18	6	6	
14	CIL6050	Luật thi hành án dân sự <i>Law of civil judgment enforcement</i>	2	18	6	6	
15	CIL6051	Ly hôn và hậu quả pháp lí của ly hôn <i>Divorce and its legal consequences</i>	2	18	6	6	
16	CIL6052	Áp dụng bộ luật dân sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại và lao động <i>Application of the Civil Code to business, commercial and labor dispute resolution</i>	3	24	9	12	
17	CIL6053	Luật thừa kế <i>Inheritance law</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18	CIL6054	Pháp nhân. <i>Legal persons</i>	3	27	9	9	
19	CIL6055	Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ. <i>Intellectual property dispute resolution</i>	2	18	6	6	
20	CIL6056	Pháp luật về đại diện. <i>Agency law</i>	2	18	6	6	
21	CIL6057	Luật về hợp đồng vận chuyển <i>Law of transportation contracts</i>	2	18	6	6	
22	CIL6058	Hợp đồng thuê <i>Law of leasing</i>	2	18	6	6	
23	CIL6059	Hợp đồng lập hội <i>Contracts to form associations</i>	2	18	6	6	
24	CIL6060	Tổ tụng dân sự so sánh <i>Comparative civil procedure</i>	2	18	6	6	
25	CIL6061	Luật hôn nhân gia đình so sánh. <i>Comparative marriage and family law</i>	2	18	6	6	
26	CIL6062	Pháp luật về hợp đồng cộng đồng <i>Law of collective contracts</i>	2	18	6	6	
27	CIL6063	Luật La Mã chuyên sâu <i>Advanced Roman Law</i>	2	18	6	6	
<b>III</b>	<b>CIL7201</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>	<b>20</b>				
<b>Tổng cộng</b>			<b>64</b>				

**Ghi chú:** (\*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.